

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 26/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lăng Văn Thủy** và ông **Hoàng Viết Diện**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Sinh Hà** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hứa Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Đinh Văn H (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 28/9/1995 tại tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Trần Thị T1, sinh năm 1966 (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 2001 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 04/2025/HSST ngày 21/01/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án ngày 05/6/2025.

Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Ông Hà Văn H2, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lộc Thị H3, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu mua lợn giống, ngày 23/9/2024 ông Dương Văn T2, trú tại: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn truy cập vào mạng xã hội Facebook tìm hiểu thông tin bán lợn, có niềm yết số điện thoại 0367.758.537 để liên hệ. Biết ông T2 có mối đặt mua lợn nên ông Hà Văn H2, người cùng thôn nhờ đặt mua giúp 6 con lợn giống. Ông T2 đồng ý, sau đó đã liên lạc với số điện thoại 0367.758.537 đặt mua 28 con lợn giống với giá 1.600.000 đồng một con và gửi địa chỉ (định vị) qua mạng xã hội cho người bán lợn giống, nhưng ông T2 nói với ông Hà Văn H2 là 1.700.000 đồng một con (ông T2 tự nâng giá lợn để hưởng lợi 100.000 đồng một con).

Ngày 30/9/2024, Đinh Văn H thuê anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1992. Trú tại: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ lái xe ô tô biển kiểm soát số 19C-243.87 của H cùng với H chở 28 con lợn giống đến bán cho Dương Văn T2, tiền công lái xe thỏa thuận là 2.000.000 đồng. Khi gần đến nhà T2, H sử dụng số điện thoại 0967.182.836 do Học đứng tên chủ thuê bao gọi hẹn địa điểm giao nhận lợn với ông T2 qua số điện thoại 0328.317.125 của ông T2. Theo chỉ dẫn của Dương Văn T2, H cùng Nguyễn Thành Đ lái xe chở lợn đến giao cho ông Hà Văn H2 06 con lợn giống. Ông H2 trả ông T2 số tiền mặt 10.200.000 đồng. Sau đó có bà Lộc Thị H3 trú cùng thôn với ông T2 hỏi mua lại của ông T2 01 con. Ông T2 đồng ý và cùng nhau giao cho bà H3 01 con lợn giống, bà H3 trả ông T2 số tiền mặt là 1.700.000 đồng theo giá ông T2 đề nghị, 21 con lợn còn lại H giao cho ông T2 tại nhà của ông T2.

Khi giao lợn H đưa cho ông T2 một bộ giấy tờ giả bao gồm:

- 01 (một) Hợp đồng bảo hành dịch tả lợn châu P, ghi sẵn thông tin: bên bán lợn (bên A) là Trại heo giống C2. Địa chỉ: C - N - Bắc Kạn, người đại diện Bùi Đức A – Giám đốc (số căn cước 001812356117, cấp ngày 21/10/2021, nơi cấp CCSTPBK), đóng dấu đỏ của Công ty cổ phần C3. Bên mua lợn (bên B): Dương Văn T2, địa chỉ: L - B - Bắc Kạn.

- 01 (một) Phiếu cân heo đóng dấu của Công ty cổ phần C3, tên trại: C3.

- 01 (một) lịch tiêm vắc xin đóng dấu đỏ của Công ty cổ phần C3, tên trại: C3.

Tổng số tiền giao dịch giữa ông Dương Văn T2 và Đinh Văn H là 44.800.000 đồng (tương đương với 28 con lợn x 1.600.000 đồng/1 con). Việc thanh toán được thực hiện như sau: Ông T2 trực tiếp đưa cho H 28.800.000 đồng tiền mặt, chuyển khoản 13.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H.

Số còn lại 3.000.000 đồng, H không nhận trực tiếp mà hướng dẫn ông T2 trả 2.000.000 đồng tiền công lái xe cho Nguyễn Thành Đ. Sau đó ông T2 đã nhờ ông Hoàng Văn V, trú cùng thôn B, xã L chuyển khoản số tiền này cho anh Đ, còn 1.000.000 đồng Học không lấy mà để lại cho ông T2 mua cám chăn lợn.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 30/9/2024 ông Dương Văn T2 phát hiện số lợn đã mua tại nhà mình có biểu hiện mắc bệnh dịch tả lợn châu P, thông tin cho ông Hà Văn H2 và bà Lộc Thị H3 kiểm tra đều thấy có biểu hiện tương tự, ông Dương Văn T2 gọi lại nhiều lần vào số điện thoại 0367.758.537 nhưng không liên lạc được nên đã làm đơn kiến nghị đến Công an xã L để được giải quyết.

Ngày 01/10/2024 UBND xã L, huyện B đến kiểm tra, xác định 28 con lợn Đinh Văn H bán cho Dương Văn T2 nghi mắc bệnh Dịch tả lợn châu P. Ngày 07/10/2024 Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện B tiến hành mổ khám, lấy mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm. Ngày 08/10/2024 Trung tâm C4 ban hành phiếu trả lời kết quả xét nghiệm số 7454/CD-XN đối với mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm, cho kết quả dương tính (+) với vi rút Dịch tả lợn châu P. Ngày 10/10/2024, UBND xã L, huyện B tổ chức tiêu hủy toàn bộ 28 con lợn theo quy định. Sau đó, Dương Văn T2 đã chủ động trả lại cho ông Hà Văn H2 số tiền 10.200.000 đồng và bà Lộc Thị H3 số tiền 1.700.000 đồng.

Ngày 11/02/2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, kết luận: Tại thời điểm ngày 30/9/2024, giá trị của 28 con lợn giống mắc bệnh dịch tả lợn châu P phải tiêu hủy theo quy định, giá trị 0 đồng.

Tại Kết luận giám định số 106/KL-KTHS, ngày 20/3/2025 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Chữ số, chữ viết trên bộ giấy tờ, gồm Hợp đồng bảo hành dịch tả lợn châu P, Phiếu cân heo, lịch tiêm vắc xin và chữ viết của Đinh Văn H không đủ cơ sở kết luận có phải cùng một người viết ra hay không.

Quá trình điều tra, truy tố Đinh Văn H khai nhận: Vào khoảng tháng 9/2024, H sử dụng tài khoản zalo tên “Long Máy C” và thấy trên nhóm zalo “Trai Phú Thọ” có thông tin về một đơn hàng vận chuyển 28 con lợn giống từ Phú Thọ lên Bắc Kạn để bán. Do đang có thời gian nhàn rỗi, H đã nhắn tin trao đổi và nhận đơn hàng này từ tài khoản zalo “Lợn giống ba miền”. Sau đó, H gọi điện thuê anh Nguyễn Thành Đ lái xe ô tô biển số 19C-243.87 (xe của Học) để chở lợn lên Bắc Kạn. Khoảng 20 giờ ngày 29/9/2024, H cùng anh Đ lái xe đến khu vực nút giao IC9 (đường C - Lào Cai, thuộc địa phận tỉnh Phú Thọ) để gặp một người bán lợn. Tại đây, H gặp một người đàn ông trung niên khoảng 40 tuổi, không rõ danh tính, đang chờ sẵn cùng một xe tải lợn. Người này giao cho H 28 con lợn giống với giá 1.200.000 đồng/con và đưa kèm một bộ giấy tờ gồm Hợp đồng bảo hành dịch tả lợn châu P, Phiếu cân heo và lịch tiêm vắc xin (đều có đóng dấu đỏ) và nói với H đây đều là giấy tờ giả để khách hàng tin tưởng đồng ý mua lợn. Sau khi trả tiền, nhận lợn và giấy tờ, H cùng người đàn ông này bốc 28 con lợn giống lên xe ô tô của H rồi tiếp tục di chuyển lên tỉnh Bắc Kạn. Sáng ngày 30/9/2024, khi đến địa phận huyện B, tỉnh Bắc Kạn, H đã liên lạc với ông Dương Văn T2 để hẹn địa điểm giao lợn. Khoảng 7 giờ cùng ngày, H và Đ

chở lợn đến thôn N, xã L, huyện B theo hướng dẫn của ông T2. Tại đây, H giao trước 06 con lợn cho ông Hà Văn H2 (là người nhờ ông T2 mua lợn). Số lợn còn lại 22 con, H giao hết cho ông Dương Văn T2 cùng toàn bộ giấy tờ giả tại nhà ông T2 với giá thỏa thuận 1.600.000 đồng trên mỗi con (tổng cộng 28 con là 44.800.000 đồng), lúc đó cũng có một người phụ nữ đến nhận lợn với ông T2. Ông T2 thanh toán cho H 28.800.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 13.000.000 đồng vào tài khoản của H. Đối với 3.000.000 đồng còn lại của tổng số tiền bán lợn, H thỏa thuận không nhận trực tiếp mà đề nghị ông T2 dùng 2.000.000 đồng để trả tiền công lái xe cho Nguyễn Thành Đ (chuyển khoản) và giảm giá 1.000.000 đồng để hỗ trợ ông T2 mua cám nuôi lợn. Số tiền sau khi bán lợn cho ông T2, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSBT ngày 27/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Đinh Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Điều 174/BLHS có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn H trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Bị cáo nhận tội như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo Đinh Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

* Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu.

* Về xử lý vật chứng: Không có.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như Viện kiểm sát truy tố và nói lời sau cùng: Đã nhận thức được hành vi của bản thân

thực hiện là vi phạm pháp luật, rất hối hận, xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

* Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã thể hiện đầy đủ lời khai, ý kiến, quan điểm của họ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Những người tham gia tố tụng có mặt và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông không có ý kiến gì, không đề nghị hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn H khai nhận: Đinh Văn H biết rõ 28 con lợn giống bị bệnh, bán trôi nổi, không rõ nguồn gốc, bán với giá rẻ nhưng vì ham lợi nhuận nên ngày 30/9/2024 tại Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, H đã đưa ra thông tin gian dối với ông Dương Văn T2 là lợn có nguồn gốc của trang trại, lợn khỏe mạnh, không mắc bệnh và có lịch tiêm vắc xin, hợp đồng bảo hành dịch tả lợn châu P, phiếu cân heo đều là giả để ông T2 tin tưởng mua 28 con lợn đều đã bị mắc bệnh không có giá trị để chiếm đoạt của ông Dương Văn T2 tổng số tiền là 43.800.000^d (Bốn ba triệu, tám trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, tại bản án số 04/2025/HSST, ngày 21/01/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất sự việc thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ông Dương Văn T2 là bị hại trong vụ án, sau khi thỏa thuận và hẹn ngày giao lợn giống qua mạng xã hội, ngày 30/9/2024 ông T2 đã nhận 28 con lợn giống với Đinh Văn H và thanh toán số tiền thực tế là 43.800.000^d. Sau khi phát hiện lợn bị bệnh, ông T2 kịp thời báo chính quyền địa phương và tiêu hủy số lợn bệnh theo quy định và trình báo sự việc đến cơ quan Công an để giải quyết. Ngày 09/12/2024, chị Nguyễn Thị Tuyết H1 là vợ của bị cáo H (được bị cáo tác động) đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông T2 số tiền là 44.800.000^d (Bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng). Ông T2 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Bà Hoàng Thị G là vợ của ông Dương Văn T2 thừa nhận gia đình bà có mua lợn giống, toàn bộ giao dịch do ông T2 thỏa thuận và nhận lợn giống, tuy nhiên số tiền thực tế mua lợn là của hai vợ chồng. Sau khi sự việc xảy ra, bà Gia và ông T2 đã được chị Nguyễn Thị Tuyết H1 bồi thường hại số tiền là 44.800.000^d, nay bà Gia không còn yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với ông Hà Văn H2 và bà Lộc Thị H3 là người nhờ ông Dương Văn T2 đặt mua lợn giống, tại thời điểm bán lợn cho ông H2 và bà H3, ông T2 không biết lợn bị mắc bệnh. Sau khi sự việc xảy ra, ông T2 đã chủ động thanh toán số tiền thực tế cho ông Hà Văn H2 là 10.200.000^d (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) và bà Lộc Thị H3 là 1.700.000 đồng. Nay ông H2 và bà H3 không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Thành Đ là người được Đinh Văn H thuê lái xe ô tô chở 28 con lợn đi bán ngày 30/9/2024 và được nhận tiền công là 2.000.000 đồng. Nhưng anh Đ không biết, không liên quan gì đến việc giao dịch mua bán lợn của Đinh Văn H nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với Nguyễn Thành Đ là đúng quy định của pháp luật. Đối với số tiền 2.000.000 đồng đã nhận, sau khi biết sự việc lừa đảo của bị cáo H, Đ đã đề nghị trả lại cho gia đình Học để khắc phục hậu quả, tuy nhiên gia đình H không nhận lại vì cho rằng đây là tiền công chính đáng của Đ, Đ không liên quan gì đến hành vi của H.

- Về hành vi Dương Văn T2 đặt mua và bán lợn cho ông Hà Văn H2 và và

Lộc Thị H3, tại thời điểm thỏa thuận, ông T2 không biết số lợn trên là lợn bệnh. Sau khi xảy ra sự việc, ông T2 đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền mua lợn cho ông H2 và bà H3. Do vậy không có căn cứ xem xét xử lý ông T2 về hành vi bán lợn bệnh để nhận tiền là đúng quy định.

- Đối với chị Nguyễn Thị Tuyết H1 là vợ của Đinh Văn H, chị H1 đã được bị cáo H tác động đứng ra bồi thường số tiền là 44.800.000^d (Bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) cho ông Dương Văn T2, chị H1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên. Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền công lái xe của Nguyễn Thành Đ đã nhận, H1 không đề nghị Đ hoàn trả. Đối với chiếc xe ô tô biển số 19C- 243.87 do không có công sức đóng góp nên H1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thỏa thuận giải quyết xong, không ai còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Các vấn đề khác

- Đối với bộ giấy tờ giả Đinh Văn H đưa cho bị hại kèm theo số lợn bệnh. Tại công văn số 04/SKHĐT-ĐKKD ngày 14/02/2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn xác định: Qua rà soát dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Trại heo giống C2, Công ty cổ phần C3 tại địa chỉ xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 17/02/2025 UBND huyện N có công văn số 468/UBND xác định: Trên địa bàn xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn không có Trại heo giống C2, Công ty cổ phần C3. Do Trại heo giống C2, Công ty cổ phần C3 không có thật nên không có căn cứ xem xét xử lý Đinh Văn H về hành vi sử dụng, làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng quy định.

- Đối với thông tin số căn cước trên Hợp đồng bảo hành dịch tả lợn châu P ghi tên người đại diện Bùi Đức A – Giám đốc, số căn cước 001812356117, cấp ngày 21/10/2021, nơi cấp: CCSTPBK. Qua làm việc với Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh B, xác định: Thông tin số căn cước, nơi cấp như trên không đúng với quy định của Luật căn cước công dân về cấu trúc mã số định danh, thẩm quyền cấp thẻ căn cước công dân. Do đó, không có thông tin để xác minh nhân thân lai lịch Bùi Đức A để xem xét xử lý.

- Đối với anh Triệu Sinh C1, sinh năm 1992. Cư trú tại: Xóm H, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là người đứng tên chủ thuê bao điện thoại số 0367.758.537 là số điện thoại ông Dương Văn T2 liên lạc để đặt mua lợn. Tuy nhiên, C1 không được đăng ký, sử dụng số thuê bao trên, không biết lý do tại sao số căn cước của mình được sử dụng để đăng ký số thuê bao đó. C1 không biết hay liên quan gì đến hành vi phạm tội của H. Do vậy, không có căn cứ xem xét xử lý đối với Triệu Sinh C1 là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với đối tượng đã trao đổi, rao bán lợn bệnh cho Dương Văn T2 trên mạng xã hội Facebook, zalo và đối tượng trao đổi với H trên mạng xã hội, zalo bán lợn bệnh cùng con dấu giấy tờ giả cho H. Bị cáo Học khai đã truy cập mạng

xã hội zalo và nhận số lộn bệnh trên với một người không quen biết sau đó chở đến bán cho ông T2 để hưởng chênh lệch. Tuy nhiên, quá trình điều tra ngoài lời khai của Học, không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh người giao, quá trình, nội dung giao dịch, nhận đơn như H khai. Kết quả kiểm tra điện thoại của H, không còn lưu giữ dữ liệu gì liên quan, kiểm tra điện thoại của Dương Văn T2 không còn lưu giữ dữ liệu gì liên quan đến tài khoản Facebook ông T2 đã liên lạc để tìm đặt mua lộn. Trong gia đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành hết các biện pháp điều tra, tuy nhiên không xác định được người đã thuê H chở lộn đi bán như H khai, do vậy không có căn cứ xác định có đồng phạm trong vụ án để xem xét, xử lý.

- Đối với 01 (một) xe ô tô tải biển số 19C – 243.87, H sử dụng để chở lộn bệnh đi bán, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được H mua với Công ty cổ phần Ô (địa chỉ: phường M, quận N, thành phố Hà Nội) với giá 413.000.000 đồng theo Hợp đồng mua bán ngày 10/6/2024. Học sử dụng hợp đồng này làm căn cứ thế chấp vay tiền tại ngân hàng TMCP T5 và Phát triển Chi nhánh T6 (địa chỉ: xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội), thỏa thuận trong vòng 5 ngày từ khi ký hợp đồng, nếu ngân hàng chấp thuận cho vay thì Công ty cổ phần Ô sẽ giao giấy tờ xe cho H. Ngày 13/6/2024 bị cáo H và vợ là Nguyễn Thị Tuyết H1 ký hợp đồng thế chấp chiếc xe trên tại ngân hàng TMCP T5 và Phát triển Chi nhánh T6 để vay số tiền 340.000.000 đồng, mục đích vay mua xe phục vụ đời sống. Ngày 05/10/2024, H bị Cơ quan CSĐT công an huyện L bắt tạm giam để điều tra trong vụ án khác. Tháng 12/2024, do Học không có khả năng trả nợ, theo hợp đồng đã ký kết các bên thống nhất để ngân hàng tiến hành xử lý tài sản thế chấp bằng cách cho anh Đặng Văn H4, sinh năm 1995. Trú tại thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tất toán khoản nợ vay, đến ngày 23/12/2024 thì hoàn thành việc giải chấp và thông báo đến cơ quan chức năng. Sau đó Đặng Văn H4 bán chiếc xe trên cho anh Trần Văn N, sinh năm 1992, trú tại: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh N lại bán cho anh Nguyễn Đình Á, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố Y, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên với giá 376.000.000 đồng. Ngày 09/01/2025 anh Nguyễn Đình Á đến Công an thành phố P đăng ký lại, cấp biển số mới là 20A-593.03 và quản lý, sở hữu, sử dụng hợp pháp. Thời điểm tất toán, số tiền phải thanh toán cho ngân hàng 330.668.831 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 323.020.000 đồng, tiền lãi: 7.351.866 đồng, phí phạt 296.965 đồng. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/9/2024, Đình Văn H còn nợ số tiền vay ngân hàng là 323.020.000 đồng.

Quá trình điều tra, làm rõ Ngân hàng TMCP T5 và Phát triển Chi nhánh T6, Đặng Văn H4, Trần Văn N, Nguyễn Đình Á đều không biết, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Đình Văn H, việc mua bán sang tên chiếc xe ô tô là ngay tình và hợp pháp, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký lại cho Nguyễn Đình Á theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ sự việc, xét thấy việc để cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Đình Á quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Cơ quan điều tra không tạm giữ chiếc

xe ô tô là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[7]. Về vật chứng:

- 01 (một) bộ giấy tờ giả, gồm Hợp đồng bảo hành dịch tả lợn châu P, Phiếu cân heo và lịch tiêm vắc xin cơ quan điều tra thu giữ, đã lưu hồ sơ vụ án.

- 28 con lợn bệnh sau khi xác định mắc bệnh dịch tả lợn châu Phi cơ quan chức năng đã tiêu hủy theo quy định.

- 01 (một) điện thoại di động Đinh Văn H đã sử dụng để liên lạc với bị hại đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình thu giữ và đã xử lý trong vụ án khác.

- 01 xe ô tô tải biển số 19C – 243.87 của Đinh Văn H sử dụng để chở lợn đi bán ngày 30/9/2024 nhưng là tài sản thế chấp theo Hợp đồng ngày 14/6/2024 và đã được ngân hàng xử lý thu hồi nợ, được mua bán hợp pháp trước khi khởi tố bị can nên Cơ quan điều tra không tạm giữ chiếc xe ô tô là có căn cứ pháp luật.

[8]. Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có nghề nghiệp và công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[9]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các Điều 135; Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn H phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND H.Bạch Thông 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ
Công an tỉnh Bắc Kạn 1;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 1;
- Người có QLNVLQ 5;
- TA tỉnh Bắc Kạn 1;
- THADS H Bạch Thông 1;
- Lưu HSVA, lưu trữ ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại bản án số 33/2016/HSST, ngày 01/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha đẻ là Phạm Quốc P1 được Bộ trưởng Bộ Q tặng Bằng Khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số 33/2016/HSST, ngày 01/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông xử phạt Phạm Văn T4 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/6/2022, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm”. Trong phần luận tội Đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 341 của Bộ luật Hình sự vẫn đảm bảo đúng quy định và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. HĐXX căn cứ vào Điều 298/BLTTHS, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 341 của Bộ luật Hình sự vẫn thuộc giới hạn xét xử của Tòa án.